

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 893 /SZL-TCKT

Long Thành, ngày 09 tháng 08 năm 2019

V/v Giải trình bổ sung tình hình biến động
lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

1. Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.
2. Tên giao dịch : Sonadezi Long Thành.
3. Mã chứng khoán niêm yết : SZL
4. Nội dung:

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành xin được giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	6 tháng đầu 2019	6 tháng đầu 2018	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	198.673.519.120	199.811.513.026	Giảm 0,57%
2	Tổng chi phí	138.539.723.304	134.206.588.266	Tăng 3,22%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.804.071.474	54.828.777.048	Giảm 12,81%

- Tổng doanh thu giảm 1.137.993.906 đồng, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 864.412.106 đồng.

- Tổng chi phí tăng 4.333.135.038 đồng trong đó giá vốn tăng 3.511.447.097 đồng.

Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BP.TCKT

- Lưu: VT Cty.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 37



CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Bà Huỳnh Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên
Ông Vũ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Lê Tiến Bộ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Trưởng ban
Bà Lưu Thị Thúy Vân	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 04 năm 2019)
Bà Trịnh Thị Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 04 năm 2019)
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Sâm	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

Handwritten signature



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

39 - C.T.C.P
Y
N
ZI
NH
ĐỒNG NAI

Số: 20.118/BCSX – RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, được lập ngày 09 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		726.163.729.277	701.348.940.383
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	86.462.393.635	85.945.123.336
1. Tiền	111		61.462.393.635	23.945.123.336
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	62.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	442.475.000.000	452.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		442.475.000.000	452.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.407.980.126	75.557.273.621
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	20.849.797.798	19.076.815.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	70.352.315.811	30.939.118.684
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	20.622.978.626	27.476.839.082
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.417.112.109)	(1.935.499.445)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	140	4.7	73.793.428.694	76.983.590.781
1. Hàng tồn kho	141		73.793.428.694	76.983.590.781
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.024.926.822	10.162.952.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	2.184.996.219	734.298.631
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.523.118.049	4.467.149.341
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	5.316.812.554	4.961.504.673
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		940.073.656.138	897.892.811.174
I. Tài sản cố định	220		151.848.207.322	160.414.197.710
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	151.790.775.322	160.344.265.710
Nguyên giá	222		463.814.729.033	461.103.836.761
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(312.023.953.711)	(300.759.571.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227		57.432.000	69.932.000
Nguyên giá	228		775.039.229	775.039.229
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(717.607.229)	(705.107.229)
II. Bất động sản đầu tư	230	4.10	333.340.549.972	278.916.621.056
1. Nguyên giá	231		531.846.127.498	460.293.781.073
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(198.505.577.526)	(181.377.160.017)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.218.753.486	49.159.899.621
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	46.218.753.486	49.159.899.621
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	190.836.400.000	190.836.400.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.500.000.000	24.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		166.336.400.000	166.336.400.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		217.829.745.358	218.565.692.787
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	216.031.676.369	216.683.122.198
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.17	1.798.068.989	1.882.570.589
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.666.237.385.415	1.599.241.751.557

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.086.739.143.579	1.020.294.231.195
I. Nợ ngắn hạn	310		182.247.919.776	123.037.640.681
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	46.599.826.864	28.651.948.029
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.656.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	152.311.660	524.662.383
4. Phải trả người lao động	314		4.214.574.664	6.813.858.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	9.186.591.965	4.697.088.049
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	30.377.826.559	25.438.911.620
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	55.834.136.720	35.900.530.126
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.882.651.344	21.008.986.232
II. Nợ dài hạn	330		904.491.223.803	897.256.590.514
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.14	75.976.131.971	81.664.177.100
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	773.175.218.667	773.594.916.861
3. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	55.339.873.165	41.997.496.553
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		579.498.241.836	578.947.520.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	579.498.241.836	578.947.520.362
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.619.235	4.000.619.235
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.812.874.949)	(22.812.874.949)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		124.635.985.396	102.821.985.396
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		273.674.512.154	294.937.790.680
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		225.870.440.680	204.061.368.992
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.804.071.474	90.876.421.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.666.237.385.415	1.599.241.751.557



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Tiêu Thị Cẩm Anh
Người lập biểu

Handwritten signature

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	179.522.981.876	179.958.194.704
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		179.522.981.876	179.958.194.704
3. Giá vốn hàng bán	11	4.21	117.809.244.304	114.297.797.207
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.713.737.572	65.660.397.497
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	17.452.567.371	18.316.979.477
6. Chi phí tài chính	22		-	76.433.550
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	53.400.000
7. Chi phí bán hàng	25		1.594.680.114	568.866.649
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	18.482.050.372	19.263.490.851
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.089.574.457	64.068.585.924
10. Thu nhập khác	31		1.697.969.873	1.536.338.845
11. Chi phí khác	32		653.748.514	9
12. Lợi nhuận khác	40		1.044.221.359	1.536.338.836
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.133.795.816	65.604.924.760
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	12.245.222.742	10.709.189.312
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		84.501.600	66.958.400
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.804.071.474	54.828.777.048
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.18.4	2.102	2.462



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Tiêu Thị Cẩm Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.133.795.816	65.604.924.760
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	22.261.055.145	26.751.385.847
Các khoản dự phòng	03		(518.387.336)	559.668.742
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		(29.823)	(63.870)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.382.859.283)	(18.071.570.807)
Chi phí lãi vay	06		-	53.400.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		66.493.574.519	74.897.744.672
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.745.944.772)	11.088.315.210
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.190.162.087	5.270.102.132
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27.268.194.580	48.971.860.795
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(208.670.487)	1.807.888.045
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(32.400.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(13.138.463.359)	(3.100.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.950.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.093.334.888)	(4.913.544.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.765.517.680	133.991.916.079
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(67.194.222.092)	(46.372.021.011)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(220.675.000.000)	(266.330.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		230.900.000.000	249.980.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.720.564.283	22.215.955.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.248.657.809)	(40.506.065.204)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.400.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(1.644.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.401.644.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		516.859.871	92.084.206.875
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	85.945.123.336	30.447.888.485
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		410.428	63.870
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	86.462.393.635	122.532.159.230



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Tiêu Thị Cẩm Anh
Người lập biểu

Handwritten signature

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000058 ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 03 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 02 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06 tháng 09 năm 2006 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi tỉ lệ góp vốn của các cổ đông sáng lập và thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 03 năm 2009 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 05 năm 2009 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 06 năm 2009 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 02 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 05 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 05 năm 2011 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 09 năm 2013 về việc thay đổi thông tin về chức danh của người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 10 năm 2014 về việc cập nhật thông tin chi nhánh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 113 (31/12/2018: 112).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Tái chế phế liệu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp và dân dụng; thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình kỹ thuật đô thị;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Đại lý du lịch;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; và
- Điều hành tua du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2018.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	17.452.416	36.940.313
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.444.941.219	23.908.183.023
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	62.000.000.000
Cộng	86.462.393.635	85.945.123.336

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	24.500.000.000	(*)	-	24.500.000.000	(*)	-
Đầu tư vào đơn vị khác:	-		-	-		-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.500.000.000	5.000.000.000	-	2.500.000.000	3.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	100.800.000.000	185.411.520.000	-	100.800.000.000	133.943.040.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	63.036.400.000	(*)	-	63.036.400.000	(*)	-
Cộng	166.336.400.000		-	166.336.400.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định dựa theo giá giao dịch bình quân niêm yết tại thời điểm cuối kỳ trên thị trường UPCOM và HOSE.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Global Dyeing	5.961.420.171	4.387.075.626
Công ty TNHH Samil Vina	3.465.482.976	6.122.746.916
Công ty CP Cơ điện Hoàng Hưng	2.044.941.742	15.474.089
Các khách hàng khác	8.864.333.629	8.192.042.351
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	513.619.280	359.476.318
Cộng	20.849.797.798	19.076.815.300

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán	2.377.762.590	16.372.680.684
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 4.27	67.974.553.221	14.566.438.000
Cộng	70.352.315.811	30.939.118.684

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về tiền lãi dự thu	9.992.724.000	-	16.330.429.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	199.186.945	-	123.140.000	-
Phải thu về thuế TNDN tạm nộp 1%	75.739.973	-	105.047.685	-
Phải thu tiền bồi thường về việc "Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án cụm công nghiệp Long Phước 1 tại xã Long Phước, huyện Long Thành"	9.989.137.302	-	10.653.781.316	-
Phải thu khác	366.190.406	-	264.441.081	-
Cộng	20.622.978.626	-	27.476.839.082	-
Trong đó, phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	420.589.449	-	5.549.758.187	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.417.112.109	-	1.935.499.445	-

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các đã quá thời hạn 03 năm mà Công ty vẫn chưa thu được nợ.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND			Tại ngày 01/01/2019 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Kỹ Thuật và Xây Dựng KJ	739.612.109	-	>03 năm	739.612.109	-	>03 năm
Cty TNHH XD&TT Nội Thất số 7	677.500.000	-	>03 năm	677.500.000	-	>03 năm
Công ty CP SXTM Kỹ Thuật Sài Gòn Vinashin	-	-		518.387.336	-	>03 năm
Cộng	1.417.112.109	-		1.935.499.445	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	158.490.000	-	176.940.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.482.547.805	-	75.857.407.331	-
Thành phẩm	528.211.736	-	528.211.736	-
Hàng hóa	624.179.153	-	421.031.714	-
Cộng	73.793.428.694	-	76.983.590.781	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là các chi phí san lấp, xây dựng các hạng mục dở dang thuộc khu dân cư Tam An.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Hạng mục KCN Long Phước	32.593.608.104	30.766.046.007
Hạng mục xây dựng khu ĐC Tam An – Bò Sữa	9.459.683.786	9.459.683.786
Hạng mục xây dựng khu dân cư	1.052.661.907	317.648.854
Hạng mục xây dựng Nhà xưởng cho thuê	1.223.950.020	6.830.579.834
Hạng mục Khu du lịch sinh thái Tam An	645.566.129	645.566.129
Hạng mục dự án 3ha An Phước	470.985.600	470.985.600
Hạng mục xây dựng KCN Châu Đức	268.203.041	428.904.674
Hạng mục xây dựng KCN Long Thành	504.094.899	240.484.737
Cộng	46.218.753.486	49.159.899.621

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	436.685.554.659	11.786.609.023	8.624.374.001	3.703.590.029	303.709.049	461.103.836.761
Mua trong kỳ	-	578.784.696	-	-	-	578.784.696
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.132.107.576	-	-	-	-	2.132.107.576
Tại ngày 30/06/2019	438.817.662.235	12.365.393.719	8.624.374.001	3.703.590.029	303.709.049	463.814.729.033
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	284.576.944.762	9.655.471.064	3.203.215.546	3.020.230.630	303.709.049	300.759.571.051
Khấu hao trong kỳ	10.218.360.024	287.834.636	583.428.000	174.760.000	-	11.264.382.660
Tại ngày 30/06/2019	294.795.304.786	9.943.305.700	3.786.643.546	3.194.990.630	303.709.049	312.023.953.711
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	152.108.609.897	2.131.137.959	5.421.158.455	683.359.399	-	160.344.265.710
Tại ngày 30/06/2019	144.022.357.449	2.422.088.019	4.837.730.455	508.599.399	-	151.790.775.322

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 162.026.202.030 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê:

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2019 VND
Nguyên giá:				
Nhà	444.723.670.819	71.552.346.425	-	516.276.017.244
Cơ sở hạ tầng	15.570.110.254	-	-	15.570.110.254
Cộng	<u>460.293.781.073</u>	<u>71.552.346.425</u>	<u>-</u>	<u>531.846.127.498</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	178.427.644.017	16.609.413.509	-	195.037.057.526
Cơ sở hạ tầng	2.949.516.000	519.004.000	-	3.468.520.000
Cộng	<u>181.377.160.017</u>	<u>17.128.417.509</u>	<u>-</u>	<u>198.505.577.526</u>
Giá trị còn lại:				
Nhà	266.296.026.802			321.238.959.718
Cơ sở hạ tầng	12.620.594.254			12.101.590.254
Cộng	<u>278.916.621.056</u>			<u>333.340.549.972</u>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí dự án KCN Châu Đức	1.668.592.050	-
Chi phí trả trước kinh doanh đất	333.813.264	-
Chi phí quản lý văn phòng Công ty	182.590.905	734.298.631
Cộng	<u>2.184.996.219</u>	<u>734.298.631</u>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất tại KCN Châu Đức	152.340.415.517	154.026.683.140
Chi phí trả trước kinh doanh đất	39.594.340.722	48.047.449.961
Chi phí trả trước đền bù đất	17.401.568.539	9.607.525.539
Chi phí trả trước kinh doanh nhà xưởng	5.515.067.221	3.321.039.418
Chi phí trả trước dài hạn khác	667.056.475	1.010.030.239
Chi phí kinh doanh nhà	513.227.895	670.393.901
Cộng	<u>216.031.676.369</u>	<u>216.683.122.198</u>

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Giao thông 828	5.844.598.821	5.844.598.821	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	11.656.913.062	11.656.913.062	21.188.976.255	21.188.976.255
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	29.098.314.981	29.098.314.981	7.462.971.774	7.462.971.774
Cộng	<u>46.599.826.864</u>	<u>46.599.826.864</u>	<u>28.651.948.029</u>	<u>28.651.948.029</u>

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp			677.493.472	677.493.472	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.482.590.570	-	12.215.915.030	13.138.463.359	560.042.241	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	39.725.000	1.377.754.000	1.744.689.500	-	406.660.500
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.834.221.984	-	583.199.314	15.958.866	4.401.462.432	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	112.586.660	514.691.141	520.106.364	-	118.001.883
Cộng	5.316.812.554	152.311.660	15.374.052.957	16.101.711.561	4.961.504.673	524.662.383

4.14. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Các khoản trích trước khác	9.186.591.965	4.697.088.049
Dài hạn:		
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn chi phí kinh doanh đất KCN Long Thành	66.358.803.538	72.251.324.562
Chi phí trích trước chi phí kinh doanh nhà xưởng	9.617.328.433	9.412.852.538
Cộng	75.976.131.971	81.664.177.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.419.659.578	8.978.949.675
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	27.426.021.000	139.671.000
Chi phí đền bù đất còn phải trả	3.662.459.000	3.650.459.000
Phải trả dự án Tam An	7.573.997.142	10.504.768.166
Tiền ứng trước xây dựng chung cư C2A	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	752.000.000	2.626.682.285
Cộng	55.834.136.720	35.900.530.126
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	55.339.873.165	41.997.496.553

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu cho thuê đất chưa thực hiện	30.377.826.559	25.438.911.620
Dài hạn:		
Doanh thu cho thuê đất chưa thực hiện	773.175.218.667	773.594.916.861

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.798.068.989	1.882.570.589
Cộng	1.798.068.989	1.882.570.589

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2018	200.000.000.000	4.000.619.235	(22.812.874.949)	93.918.343.528	253.046.931.794	528.153.019.608
Lãi trong 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	54.828.777.048	54.828.777.048
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	-	-	(12.795.570.934)	(12.795.570.934)
Trích quỹ đầu tư phát triển Cổ tức 2017	-	-	-	8.903.641.868	(8.903.641.868)	-
	-	-	-	-	(27.286.350.000)	(27.286.350.000)
Số dư tại ngày 30/06/2018	200.000.000.000	4.000.619.235	(22.812.874.949)	102.821.985.396	258.890.146.040	542.899.875.722
Lãi trong 6 tháng cuối năm	-	-	-	-	54.238.544.640	54.238.544.640
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(18.190.900.000)	(18.190.900.000)
Số dư tại ngày 01/01/2019	200.000.000.000	4.000.619.235	(22.812.874.949)	102.821.985.396	294.937.790.680	578.947.520.362
Lãi trong 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	47.804.071.474	47.804.071.474
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	-	-	(19.967.000.000)	(19.967.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển Cổ tức 2018	-	-	-	21.814.000.000	(21.814.000.000)	-
	-	-	-	-	(27.286.350.000)	(27.286.350.000)
Số dư tại ngày 30/06/2019	200.000.000.000	4.000.619.235	(22.812.874.949)	124.635.985.396	273.674.512.154	579.498.241.836

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của công ty mẹ	102.380.000.000	102.380.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	97.620.000.000	97.620.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(1.809.100)	(1.809.100)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.190.900	18.190.900

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.804.071.474	54.828.777.048
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(9.560.814.295)	(10.037.527.046)
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	38.243.257.179	44.791.250.002
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	18.190.900	18.190.900
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.102	2.462

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
USD	54.620,65	248,52

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Yo Limited – Xử lý tài chính nợ phải thu khó đòi	1.400.476.344	1.400.476.344
Công ty CP SXTM Kỹ Thuật Sài Gòn Vinashin - Xử lý tài chính nợ phải thu khó đòi	518.387.336	-
4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê đất, phí quản lý	33.467.816.566	31.589.475.938
Doanh thu kinh doanh nhà đất	9.933.263.935	19.522.159.341
Doanh thu kinh doanh nước	37.933.704.500	37.662.960.000
Doanh thu xử lý nước thải	27.075.288.906	26.765.346.520
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	49.980.843.869	44.976.589.299
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	20.007.798.608	19.399.663.606
Doanh thu từ dự án mới	1.082.265.492	-
Doanh thu khác	42.000.000	42.000.000
Cộng	179.522.981.876	179.958.194.704
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	2.001.087.470	2.376.432.530
4.21. Giá vốn hàng bán		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cho thuê đất, phí quản lý	13.392.887.790	12.107.453.797
Giá vốn kinh doanh nhà đất	4.742.547.771	9.163.454.550
Giá vốn kinh doanh nước	33.071.946.400	33.028.297.400
Giá vốn xử lý nước thải	23.278.892.019	19.867.155.887
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	18.709.513.279	17.855.702.826
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	19.751.163.700	19.025.333.440
Giá vốn dự án mới	4.851.193.209	3.239.878.802
Giá vốn khác	11.100.136	10.520.505
Cộng	117.809.244.304	114.297.797.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.382.859.283	15.550.114.807
Chiết khấu thanh toán	2.069.678.265	245.344.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.823	63.870
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.521.456.000
Cộng	17.452.567.371	18.316.979.477

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.289.171.000	11.957.636.000
Chi phí vật liệu quản lý	705.781.545	641.058.390
Chi phí đồ dùng văn phòng	263.593.156	219.341.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	940.412.636	832.180.550
Thuế, phí và lệ phí	19.958.866	21.333.526
Chi phí dự phòng	-	559.668.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	849.530.810	1.295.953.058
Chi phí bằng tiền khác	3.413.602.359	3.736.319.039
Cộng	18.482.050.372	19.263.490.851

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.402.401.711	5.066.431.658
Chi phí nhân công	12.289.171.000	11.957.636.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.261.055.145	20.510.003.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.166.121.977	54.214.544.846
Chi phí khác bằng tiền	6.392.365.431	36.785.485.204
Cộng	134.511.115.264	128.534.100.763

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	60.133.795.816	65.604.924.760
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.092.317.895	409.300.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.521.456.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính.	61.226.113.711	63.492.768.760
Bao gồm:		
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	19.893.644.398
Thu nhập chịu thuế suất 20%	61.226.113.711	43.599.124.362
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 10%	-	1.989.364.440
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 20%	12.245.222.742	8.719.824.872
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	12.245.222.742	10.709.189.312

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN như: chi phí không hợp lý hợp lệ, cổ tức được chia,...

4.26. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (phí quản lý, quyền sử dụng đất, cho thuê mặt bằng, xử lý nước thải).
- Kinh doanh nhà, nền đất;
- Kinh doanh nước;
- Cho thuê nhà xưởng; và
- Hoạt động khác.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp VND	Kinh doanh nhà, nền đất VND	Kinh doanh nước VND	Cho thuê nhà xưởng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	33.467.816.566	9.933.263.935	37.933.704.500	49.980.843.869	48.207.353.006	179.522.981.876
Cộng	33.467.816.566	9.933.263.935	37.933.704.500	49.980.843.869	48.207.353.006	179.522.981.876
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	20.074.928.776	5.190.716.164	4.861.758.100	31.271.330.590	315.003.942	61.713.737.572
Chi phí bán hàng	213.071.775	72.962.532	241.503.706	767.121.751	300.020.350	1.594.680.114
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.445.541.429	1.022.638.341	3.905.308.557	5.256.992.444	4.851.569.601	18.482.050.372
Thu nhập tài chính						17.452.567.371
Chi phí tài chính						-
Thu nhập khác						1.697.969.873
Chi phí khác						653.748.514
Lợi nhuận kế toán trước thuế						60.133.795.816
Chi phí thuế TNDN hiện hành						12.245.222.742
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						84.501.600
Lợi nhuận sau thuế						47.804.071.474
Các thông tin khác						
Chi phí mua sắm tài sản	1.374.337.160	-	-	71.552.346.425	1.336.555.112	74.263.238.697
Chi phí khấu hao	3.681.965.000	840.748.000	-	16.438.333.509	1.300.008.636	22.261.055.145

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp VND	Kinh doanh nhà, nền đất VND	Kinh doanh nước VND	Cho thuê nhà xưởng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	31.589.475.938	19.522.159.341	37.662.960.000	44.976.589.299	46.207.010.126	179.958.194.704
Cộng	31.589.475.938	19.522.159.341	37.662.960.000	44.976.589.299	46.207.010.126	179.958.194.704
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	19.482.022.141	10.358.704.791	4.634.662.600	27.120.886.473	4.064.121.492	65.660.397.497
Chi phí bán hàng	94.674.955	73.014.180	112.877.436	149.815.774	138.484.304	568.866.649
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.381.471.911	2.089.734.999	4.031.603.488	4.814.485.486	4.946.194.967	19.263.490.851
Thu nhập tài chính						18.316.979.477
Chi phí tài chính						76.433.550
Thu nhập khác						1.536.338.845
Chi phí khác						9
Lợi nhuận kế toán trước thuế						65.604.924.760
Chi phí thuế TNDN hiện hành						10.709.189.312
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						66.958.400
Lợi nhuận sau thuế						54.828.777.048
Các thông tin khác						
Chi phí mua sắm tài sản	5.131.541.732	-	-	2.526.655.089	241.923.174	7.900.119.995
Chi phí khấu hao	3.800.910.000	818.882.000	-	14.692.038.505	1.198.172.550	20.510.003.055

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.27. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty liên kết
3. Quý đầu tư phát triển Đồng Nai	Cổ đồng có ảnh hưởng đáng kể
4. Công ty Cổ phần Xây Dựng Đồng Nai	Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
5. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
6. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
7. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
8. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
9. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
10. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi	Công ty con của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi
11. Thành viên Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt
12. Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	512.085.755	332.041.918
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	27.434.400
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	1.533.525	-
Cộng – Xem thêm mục 4.3	513.619.280	359.476.318
	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Trả trước cho nhà cung cấp:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	56.912.281.525	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	9.010.159.696	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	85.331.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1.966.781.000	14.566.438.000
Cộng – Xem thêm mục 4.4	67.974.553.221	14.566.438.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khác:		
Tiền lãi dự thu của Quỹ ĐTPT Đồng Nai	416.767.000	505.754.000
Cổ tức phải thu của Sonadezi Châu Đức	-	5.040.000.000
Phải thu tiền điện Công ty CP Sonadezi An Bình	-	4.004.187
Tiền điện thi công của CTCP xây dựng Đồng Nai	3.822.449	-
Cộng – Xem thêm mục 4.5	420.589.449	5.549.758.187

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(25.418.420.044)	(6.100.346.055)
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	(2.626.800)	(4.180.000)
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	(3.677.268.137)	(708.705.719)
Công ty CP xây dựng Đồng Nai	-	(587.040.000)
Công ty TNHH MTV DV Bảo vệ Sonadezi	-	(62.700.000)
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(29.098.314.981)	(7.462.971.774)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	1.834.275.561	2.210.312.557
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	166.811.909	164.567.473
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	-	1.552.500
Cộng – Xem thêm mục 4.20	2.001.087.470	2.376.432.530

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	33.166.905.400	33.110.534.500
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	23.099.729.087	19.754.800.113
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	3.374.859.102	2.616.400.602
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	21.492.000	23.530.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	30.386.469.918	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi	527.900.000	-
Cộng	90.577.355.507	55.505.265.215

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	2.783.320.034	1.889.035.393

4.28. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	471.641.000	323.210.200

4.29. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.462.393.635	85.945.123.336
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.425.409.689	33.471.744.855
Đầu tư ngắn hạn	442.475.000.000	452.700.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	166.336.400.000	166.336.400.000
Cộng	724.699.203.324	738.453.268.191
Công nợ tài chính:		
Phải trả người bán và phải trả khác	112.021.818.607	83.278.853.257
Chi phí phải trả	85.162.723.936	86.361.265.149
Cộng	197.184.542.543	169.640.118.406

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền và tương đương tiền	86.462.393.635	85.945.123.336
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.425.409.689	33.471.744.855
Cộng	115.887.803.324	119.416.868.191

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Mục 4.6 trong Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính chọn lọc cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.



CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Nợ phải trả VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	56.681.945.442	9.186.591.965	65.868.537.407
Từ 1 – 5 năm	55.339.873.165	75.976.131.971	131.316.005.136
Tại ngày 30/06/2019	112.021.818.607	85.162.723.936	197.184.542.543
	Nợ phải trả VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	41.281.356.704	4.697.088.049	45.978.444.753
Từ 1 – 5 năm	41.997.496.553	81.664.177.100	123.661.673.653
Tại ngày 01/01/2019	83.278.853.257	86.361.265.149	169.640.118.406

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

4.30. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.462	2.411

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự khác biệt giữa tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi kế hoạch được sử dụng để ước tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu khi phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ trước và tỷ lệ được trích quỹ khen thưởng phúc lợi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua sau đó.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính. *kosul*



[Signature]
Phạm Anh Tuấn
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

[Signature]
Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

[Signature]
Tiêu Thị Cẩm Anh
Người lập

